

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG**

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future  
with confidence**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG**  
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 66

# Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần VNG, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Tên Công ty được chuyển từ Công ty Cổ phần VNG sang Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh lần thứ 44 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 7 năm 2025.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKDN của Công ty bao gồm:

- ▶ cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- ▶ tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- ▶ lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ quảng cáo thương mại;
- ▶ dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Nhà sáng lập, Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Ông Võ Sỹ Nhân	Chủ tịch	
Ông Vương Quang Khải	Thành viên	
Bà Christina Gaw	Thành viên	
Ông Edphawin Jetjirawat	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Anh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Trưởng ban	hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 6 năm 2025
Ông Vũ Thành Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Ông Ngô Vi Hải Long	Thành viên	
Ông Phạm Văn Đô La	Thành viên	

# Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Wong Kelly Yin Hon	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025
Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Tổng Giám đốc, Thường trực Cấp cao	
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc Digital Business	
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần VNG, trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Wong Kelly Yin Hon  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 11537012/68608045-LR-HN

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG, tên trước đây là Công ty Cổ phần VNG, và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 66, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





Shape the future  
with confidence

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Dương Hải Hà  
Giám đốc Cấp cao  
Giấy CNDKHN Kiểm toán  
Số: 3796-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>4.947.364.752.034</b>	<b>4.338.133.625.165</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>3.214.852.216.751</b>	<b>2.743.447.663.820</b>
111	1. Tiền		2.117.679.384.999	2.290.510.133.964
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.097.172.831.752	452.937.529.856
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>59.300.000.000</b>	<b>60.004.115.130</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	59.300.000.000	60.004.115.130
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.015.188.682.455</b>	<b>868.882.163.080</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	598.265.463.666	527.815.412.877
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	176.862.842.038	180.710.081.402
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		5.114.144.139	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	316.559.427.530	241.602.705.829
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.3	(81.613.194.918)	(81.246.037.028)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>42.320.698.061</b>	<b>47.112.068.827</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	43.450.495.990	48.172.751.852
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9	(1.129.797.929)	(1.060.683.025)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>615.703.154.767</b>	<b>618.687.614.308</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	313.453.754.934	310.442.964.158
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	19	271.695.336.537	274.208.088.392
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	30.554.063.296	34.036.561.758
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>5.057.819.022.198</b>	<b>5.096.019.602.066</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>44.137.457.474</b>	<b>13.566.125.480</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	44.137.457.474	13.566.125.480
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.709.959.670.925</b>	<b>2.904.111.697.832</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.422.297.129.900	2.608.690.117.377
222	Nguyên giá		4.252.887.809.830	4.195.333.754.498
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.830.590.679.930)	(1.586.643.637.121)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	127.213.848.126	139.710.038.143
225	Nguyên giá		165.871.507.680	161.305.595.964
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(38.657.659.554)	(21.595.557.821)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	160.448.692.899	155.711.542.312
228	Nguyên giá		1.033.547.852.901	1.010.926.532.609
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(873.099.160.002)	(855.214.990.297)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>162.195.266.267</b>	<b>124.460.319.099</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	162.195.266.267	124.460.319.099
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>1.842.382.848.604</b>	<b>1.799.070.429.320</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15.1	875.944.532.670	838.762.505.786
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.2	778.273.434.291	734.431.898.405
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	15.2	(635.294.118.357)	(597.482.974.871)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	823.459.000.000	823.359.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>299.143.778.928</b>	<b>254.811.030.335</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	215.052.016.856	235.325.196.450
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	71.850.849.414	6.213.056.683
269	3. Lợi thế thương mại	16	12.240.912.658	13.272.777.202
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>10.005.183.774.232</b>	<b>9.434.153.227.231</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

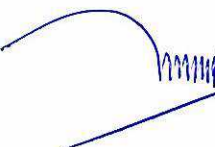
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>8.808.952.883.206</b>	<b>8.326.204.270.177</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.260.748.107.353</b>	<b>5.916.173.957.992</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	564.566.190.968	614.548.103.632
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	50.495.533.095	61.468.650.163
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	319.000.424.240	159.780.353.891
314	4. Phải trả người lao động		7.105.414.866	60.604.984.026
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	1.274.134.221.661	1.323.779.147.014
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	2.085.577.162.077	1.843.189.184.199
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	1.161.440.751.329	1.098.006.268.426
320	8. Vay ngắn hạn	23	798.428.409.117	754.797.266.641
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.548.204.775.853</b>	<b>2.410.030.312.185</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	226.033.829.147	93.628.602.544
337	2. Phải trả dài hạn khác		483.497.000	333.497.000
338	3. Vay dài hạn	23	1.169.371.695.674	1.248.764.604.683
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.3	1.135.155.262.032	1.047.402.911.808
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	24	17.160.492.000	19.900.696.150
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.196.230.891.026</b>	<b>1.107.948.957.054</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.196.230.891.026</b>	<b>1.107.948.957.054</b>
411	1. Vốn cổ phần	25.1	293.769.740.000	287.360.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		293.769.740.000	287.360.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	(397.014.270.565)	(409.833.750.565)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.1	110.802.886.805	46.347.554.900
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.1	851.013.949.248	826.832.401.620
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		826.832.401.620	1.907.505.197.138
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ) kỳ này		24.181.547.628	(1.080.672.795.518)
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	337.658.585.538	357.242.751.099
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>10.005.183.774.232</b>	<b>9.434.153.227.231</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Lê Thị Tuyết Trinh  
Người lập



Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh  
Người đại diện theo pháp luật

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	4.802.828.119.543	4.313.691.606.684
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(3.054.380.623.418)	(2.802.466.691.583)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.748.447.496.125	1.511.224.915.101
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	95.771.632.037	95.232.660.730
22 23	5. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	29	(97.544.286.946) (69.468.544.292)	(67.418.167.584) (67.704.192.064)
24	6. Phần lỗ trong công ty liên kết	15.1	(14.232.176.275)	(47.738.124.759)
25	7. Chi phí bán hàng	30	(1.011.614.919.512)	(1.039.661.216.330)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(583.191.833.395)	(633.554.272.832)
30	9. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		137.635.912.034	(181.914.205.674)
31	10. Thu nhập khác	31	5.715.914.653	12.599.861.674
32	11. Chi phí khác	31	(32.955.203.154)	(19.081.899.260)
40	12. Lỗ khác	31	(27.239.288.501)	(6.482.037.586)
50	13. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		110.396.623.533	(188.396.243.260)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(88.584.683.973)	(78.112.737.392)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33.3	(22.114.557.493)	(319.259.806.687)
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(302.617.933)	(585.768.787.339)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
61	17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thuộc về cổ đông của công ty mẹ		24.181.547.628	(513.926.306.845)
62	18. Lỗ sau thuế thuộc về cổ đông không kiểm soát	26	(24.484.165.561)	(71.842.480.494)
70	19. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	35	839	(17.884)
71	20. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	35	794	(17.884)

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Lê Thị Tuyết Trinh  
Người lập

Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh  
Người đại diện theo pháp luật



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>		<b>110.396.623.533</b>	<b>(188.396.243.260)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và lợi thế thương mại	11, 12, 13, 16	319.185.029.585	226.769.088.527
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		43.090.967.794	(9.458.278.709)
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		10.089.819.218	(3.527.500.443)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(61.384.394.580)	(38.792.783.727)
06	Chi phí lãi vay	29	69.468.544.292	67.704.192.064
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>490.846.589.842</b>	<b>54.298.474.452</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(134.597.962.026)	(100.504.308.272)
10	Giảm hàng tồn kho		4.722.255.862	9.190.464.863
11	Tăng các khoản phải trả		397.591.195.065	49.085.024.650
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		16.510.671.744	(95.974.582.771)
14	Tiền lãi vay đã trả		(57.503.961.245)	(62.012.434.636)
15	Thuế TNDN đã nộp	19	(45.014.872.278)	(84.784.039.073)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>672.553.916.964</b>	<b>(230.701.400.787)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(147.046.070.942)	(302.547.759.395)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		15.210.600.000	10.981.758.778
23	Tiền chi cho vay		489.970.991	-
24	Tiền thu thuần tiền gửi kỳ hạn ngân hàng		-	75.016.967.752
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(62.705.000.000)	(1.234.455.468.612)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.470.775.084	615.855.259.743
27	Tiền lãi được nhận		21.865.574.682	23.385.408.653
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(170.714.150.185)</b>	<b>(811.763.833.081)</b>





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

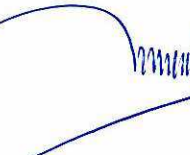
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
31	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
	Tiền nhận đặt cọc mua cổ phần		3.387.180.000	8.990.040.000
	Nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát	26	4.900.000.000	80.884.759.050
33	Tiền thu từ đi vay		822.481.245.927	1.258.082.700.899
34	Tiền trả nợ gốc vay		(854.907.967.983)	(790.008.393.728)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(13.387.779.880)	(16.507.965.084)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(600.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(37.527.321.936)</b>	<b>541.440.541.137</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ</b>		<b>464.312.444.843</b>	<b>(501.024.692.731)</b>
60	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>2.743.447.663.820</b>	<b>3.837.906.886.822</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		7.092.108.088	3.979.669.185
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	5	<b>3.214.852.216.751</b>	<b>3.340.861.863.276</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

  
Lê Thị Tuyết Trinh  
Người lập

  
Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng

  
Lê Hồng Minh  
Người đại diện theo pháp luật

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần VNG, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Tên Công ty được chuyển từ Công ty Cổ phần VNG sang Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG theo GCNĐKD điều chỉnh lần thứ 44 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 7 năm 2025.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKD của Công ty bao gồm:

- ▶ kinh doanh trò chơi điện tử, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- ▶ tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- ▶ lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ quảng cáo thương mại;
- ▶ dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 3.232 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3.324 người).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn có mười ba (13) công ty con trực tiếp, hai mươi sáu (26) công ty con gián tiếp, năm (5) công ty liên kết trực tiếp và bốn (4) công ty liên kết gián tiếp với chi tiết về tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết cả trực tiếp và gián tiếp được trình bày như bảng bên dưới.



Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG  
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
I.	Công ty con trực tiếp							
1.	Công ty Cổ phần Zion ("Zion")	99,999	99,999	99,999	99,999	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Ví Na ("VinaData")	99,989	99,989	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Ví Na ("Vinanet")	99,50	99,50	99,50	99,50	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông	Đang hoạt động
4.	Công ty TNHH Verichains ("Verichains")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
5.	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG ("VNGS")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
6.	Công ty Cổ phần Công nghệ EPI ("EPI")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông	Đang hoạt động
7.	Công ty TNHH Zie ("Zie")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
8.	Công ty Cổ phần A4B ("A4B")	69,80	69,80	69,80	69,80	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
9.	Công ty TNHH ZingPlay Việt Nam ("ZPVN")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
10.	Công ty TNHH VNG Online ("VNG Online")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ cổng thông tin và sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
11.	Quý Kiến tạo Ước mơ ("DMF")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quý xã hội, tổ chức phi lợi nhuận	Đang hoạt động
12.	Công ty TNHH 2MoreBits ("2MoreBits")	100,00	100,00	-	-	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
13.	Công ty TNHH Zalo Platforms ("Zalo Platforms")	100,00	100,00	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG  
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Ngày 31 tháng 12 năm 2024				Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền Công ty (%)			
II. Công ty con gián tiếp								
1.	Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh ("MPT")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần VNG Data Center ("VNG DC")	50,994	51,00	50,994	51,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	VNG Singapore Pte. Ltd. ("VNG Singapore")	99,989	100,00	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi	Đang hoạt động
4.	VNG Myanmar Company Limited ("VNG Myanmar")	99,989	100,00	99,989	100,00	Thành phố Yangon, Myanmar	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang trong quá trình giải thể
5.	MLT Hong Kong Limited ("MLT HK")	100,00	100,00	100,00	100,00	Hồng Kông	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang trong quá trình giải thể
6.	VNG Games Co., Ltd ("VNG Games")	99,989	100,00	99,989	100,00	Thành phố Bangkok, Thái Lan	Phát triển và cập nhật trò chơi trực tuyến và trò chơi trên điện thoại	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần XFM ("XFM")	99,989	99,989	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
8.	ZingPlay International Pte. Ltd. ("ZPI")	99,989	100,00	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính	Đang hoạt động
9.	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Truyền thông Thanh Sơn ("Thanh Sơn")	99,999	100,00	99,999	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thẻ trò chơi và thẻ viễn thông	Đang hoạt động
10.	Công ty Cổ phần Adtima ("Adtima")	99,999	99,999	99,999	99,999	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
11.	Công ty Cổ phần Fiza ("Fiza")	99,997	99,998	99,997	99,998	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
<b>II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)</b>								
12.	Công ty TNHH VNG Solutions	-	-	99,50	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
13.	Công ty Cổ phần Mixus ("Mixus")	99,934	99,934	99,934	99,934	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
14.	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd. ("KMZ") (*)	99,989	100,00	99,989	100,00	Trung Quốc	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Trước hoạt động
15.	Verichains SG Pte. Ltd ("Verichains SG")	100,00	100,00	100,00	100,00	Singapore	Phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	Đang hoạt động
16.	Instantiapay Holdings Pte. Ltd. ("Instpay Holco") (i) (*)	47,730	66,67	47,730	66,67	Singapore	Hoạt động đầu tư	Trước hoạt động
17.	InstantiaPay SG Pte. Ltd. ("Instpay SG") (*)	47,730	100,00	47,730	100,00	Singapore	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
18.	InstantiaPay Pty Ltd ("Instpay AU")	47,730	100,00	47,730	100,00	Úc	Dịch vụ tài chính	Đang hoạt động
19.	InstantiaPay Limited (United Kingdom) ("Instpay UK") (*)	47,730	100,00	47,730	100,00	Vương Quốc Anh	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
20.	InstantiaPay Limited (Hongkong) ("Instpay HK")	47,730	100,00	47,730	100,00	Hong Kong	Dịch vụ tài chính	Ngưng hoạt động
21.	Công ty TNHH InstantiaPay Việt Nam ("Instpay VN") (*)	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Trước hoạt động

(i) Tập đoàn giữ 47,73% quyền sở hữu trực tiếp ở Instpay Holco theo GCNĐKDN của công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết 66,67% được tính bao gồm cả tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp của Tập đoàn.

(\*) Các công ty này đang ở giai đoạn trước hoạt động, nghĩa là đang trong giai đoạn đầu tư và hoạt động kinh doanh chính chưa được bắt đầu tại ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG  
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
<b>II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)</b>								
22.	VNG Investment Pte. Ltd. (*)	100,00	100,00	100,00	100,00	Singapore	Phát triển và kinh doanh phần mềm, thiết bị và phụ tùng máy tính và các dịch vụ liên quan đến phần mềm	Trước hoạt động
23.	YoPlatform FZE ("YoPlatform") (*)	100,00	100,00	100,00	100,00	Dubai, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
24.	Công ty Cổ phần Greennode ("Greennode VN")	98,789	99,80	98,989	99,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
25.	Greennode Pte. Ltd. ("Greennode SG")	99,989	100,00	99,989	100,00	Singapore	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
26.	Greennode Co., Ltd ("Greennode TH")	99,989	100,00	99,989	100,00	Thái Lan	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
27.	VNG Technologies L.L.C	-	-	100,00	100,00	Dubai, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất	Dịch vụ mạng công nghệ thông tin; Thiết bị Hệ thống Máy tính và Truyền thông; Thiết kế phần mềm; Dịch vụ công nghệ số cái phân tán; Tư vấn Công nghệ thông tin	Đang hoạt động
28.	Instantia Capital Pte. Ltd. ("Instpay Capital")	47,73	100,00	-	-	Singapore	Cung cấp dịch vụ IT	Đang hoạt động

(\*) Các công ty này đang ở giai đoạn trước hoạt động, nghĩa là đang trong giai đoạn đầu tư và hoạt động kinh doanh chính chưa được bắt đầu tại ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG  
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
III. Công ty liên kết trực tiếp								
1.	Telio Pte. Ltd ("Telio")	16,55	16,55	16,55	16,55	Singapore	Công ty đầu tư	Đang trong quá trình giải thể
2.	Nhóm công ty Funding Asia Group Pte. Ltd ("Funding Asia")	4,37	4,37	4,37	4,37	Singapore	Kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng tài chính số	Đang hoạt động
3.	Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH ("VTH")	35,00	35,00	35,00	35,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và cho thuê văn phòng	Đang hoạt động
4.	Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")	22,71	22,71	23,94	23,94	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	Đang hoạt động
5.	Công ty Cổ phần DayOne Holding ("DayOne Holding")	22,24	22,24	22,46	22,46	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn quản lý	Đang hoạt động
IV. Công ty liên kết gián tiếp								
1.	Rocketeer Holding Limited ("Rocketeer")	11,25	11,25	11,25	11,25	Quần đảo Cayman	Công ty đầu tư	Đang hoạt động
2.	Open Commerce Group Ltd. ("OCG")	12,17	12,17	12,17	12,17	Singapore	Thương mại điện tử	Đang hoạt động
3.	Cloudverse Pte. Ltd ("Cloudverse")	30,00	30,00	30,00	30,00	Singapore	Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin và lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
4.	NCV Games Pte. Ltd ("NCV")	30,00	30,00	30,00	30,00	Singapore	Phân phối bản quyền trò chơi điện tử	Đang hoạt động



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.6 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tập đoàn đã phát sinh khoản lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 302.617.933 VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025. Ngoài ra, tổng nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt hơn tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.313.383.355.319 VND vào ngày 30 tháng 6 năm 2025. Do đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Tập đoàn phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ vốn lưu động để đáp ứng nhu cầu vận hành và thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn trong tương lai gần.

Tập đoàn đã lập kế hoạch dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo kể từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, bao gồm việc xem xét đến yếu tố tăng trưởng doanh thu và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động để cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, cũng như nguồn tài chính bổ sung thông qua các hạn mức tín dụng hiện hữu. Tập đoàn kỳ vọng rằng, dựa trên kế hoạch dòng tiền dự phóng, Tập đoàn có thể đảm bảo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nhu cầu hoạt động kinh doanh thông thường trong vòng 12 tháng tới. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn cho rằng việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Khu Chế Xuất Tân Thuận Đông số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong thời hạn 28 năm, số 078/TTC-NV.16 vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 trong thời hạn 25 năm và theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký với Công ty TNHH Mtex (Việt Nam) vào ngày 8 tháng 6 năm 2020 cho thời hạn thuê 21 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Tài sản khác	2 – 5 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### *Phần mềm*

Phần mềm, bao gồm phí bản quyền, được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

Việc đánh giá sự suy giảm của phí bản quyền được thực hiện cho từng trò chơi một cách riêng lẻ, dựa trên hiệu suất dự báo của từng trò chơi. Các khoản tổn thất từ việc suy giảm của phí bản quyền được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Giá trị phí bản quyền của các giấy phép bị thu hồi hoặc đóng trong năm cũng sẽ được xóa sổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### *Chi phí nghiên cứu và triển khai*

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Tập đoàn đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- ▶ Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Tập đoàn dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Tập đoàn có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó;
- ▶ Tài sản cố định vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- ▶ Tập đoàn có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và
- ▶ Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó.

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản cố định vô hình đã sẵn sàng để sử dụng.

##### *Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ*

Tập đoàn ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển và đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc và bao gồm:

*Trò chơi và phần mềm dở dang*

Trò chơi và phần mềm dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

*Tài sản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành. Khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa mười (10) năm.

Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

#### 3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.11 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Tập đoàn. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

#### *Chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở hoạt động ở nước ngoài*

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ; và
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch.

#### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.16 Vốn góp của chủ sở hữu

##### *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 *Nghệp vụ chi trả bằng cổ phiếu*

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo chương trình quyền chọn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này tại Thuyết minh số 37 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

#### 3.18 *Ghi nhận doanh thu*

##### *Doanh thu trò chơi trực tuyến*

Tập đoàn phân phối các trò chơi trực tuyến, bao gồm các trò chơi mà Tập đoàn tự phát triển và các trò chơi được cấp phép bởi các nhà phát triển trò chơi khác, thông qua máy tính cá nhân (PC), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc trình duyệt web và các cửa hàng ứng dụng điện tử cho phép người chơi được chơi miễn phí hoặc có trả phí. Trong các trò chơi này, người chơi có thể mua đơn vị ảo và dùng đơn vị ảo để mua vật phẩm ảo, điểm thưởng, các kĩ năng, các tính năng có trong trò chơi để nâng cấp, tăng cao trải nghiệm chơi trò chơi của họ. Tập đoàn ghi nhận doanh thu chưa thực hiện khi nhận được tiền từ việc người chơi mua trực tiếp đơn vị ảo hoặc vật phẩm ảo, hoặc khi người chơi sử dụng thẻ nạp tiền để mua đơn vị ảo hoặc vật phẩm ảo.

Theo các thỏa thuận cấp phép với các nhà phát triển trò chơi trực tuyến, trong trường hợp Tập đoàn chịu trách nhiệm kiểm soát, vận hành và bảo trì trò chơi, bao gồm việc duy trì đội ngũ vận hành và bảo mật, môi trường thử nghiệm và dịch vụ khách hàng, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở gộp. Phí bản quyền trả cho nhà phát triển trò chơi (dựa trên tỷ lệ chia sẻ doanh thu) được ghi nhận vào giá vốn khi phát sinh. Trong trường hợp ngược lại, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thuần, tức là, sau khi trừ đi phí bản quyền.

Đối với trò chơi trực tuyến, nghĩa vụ thực hiện của Tập đoàn được xác định khi Tập đoàn tạo ra trò chơi và cung cấp các dịch vụ liên quan đến trò chơi diễn ra xuyên suốt cho người chơi. Khi đó, doanh thu được ghi nhận khi nghĩa vụ thực hiện được hoàn tất. Với mục đích xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ, Tập đoàn đã xem xét đến một số yếu tố bao gồm: tính chất của từng trò chơi, tính chất của vật phẩm ảo được bán, cách bán vật phẩm ảo và tầm quan trọng của chúng đối với người chơi.

Hàng quý, Tập đoàn ước tính thời gian chơi trung bình của người chơi cho mỗi trò chơi trực tuyến dựa trên "tỷ lệ rời bỏ" bằng cách sử dụng nhiều điểm dữ liệu trong ba tháng của quý. Để tính toán tỷ lệ rời bỏ, Tập đoàn xác định số lượng người chơi thực hiện thanh toán vào tháng đầu tiên của mỗi quý và theo dõi hành vi của người chơi để xác định tỷ lệ rời bỏ tiếp theo của những người chơi, tức là, số lượng người chơi không đăng nhập vào trò chơi trong hai tháng tiếp theo của quý. Tập đoàn xác định rằng một người chơi sẽ "rời bỏ" nếu thanh toán vào tháng đầu tiên của quý nhưng không quay lại chơi trò chơi trong những tháng còn lại của quý đó. Đối với vài trò chơi trực tuyến riêng biệt, hoặc khi một trò chơi mới được ra mắt và chỉ có một khoảng thời gian giới hạn về dữ liệu người chơi trả tiền, Tập đoàn sẽ xem xét các yếu tố khác để ước tính thời gian chơi của người chơi, chẳng hạn như thời gian chơi ước tính của người chơi các trò chơi khác có đặc điểm tương tự.

Mặc dù Tập đoàn tin rằng các ước tính của mình là hợp lý dựa trên thông tin về người chơi trò chơi trực tuyến có sẵn tại mỗi thời điểm, nhưng thời gian chơi trung bình ước tính có thể được điều chỉnh nếu đặc điểm của người chơi trò chơi thay đổi. Việc điều chỉnh doanh thu phát sinh từ việc thay đổi ước tính về thời gian chơi trung bình trong một quý nhất định sẽ được hạch toán tương ứng như một thay đổi trong ước tính kế toán. Sự thay đổi như vậy là kết quả của thông tin mới về mô hình hành vi của người chơi trò chơi trực tuyến.

Tập đoàn cung cấp nhiều phương thức để người dùng thanh toán các vật phẩm ảo trong trò chơi, bao gồm nền tảng ZaloPay, chuyển khoản ngân hàng, thẻ tín dụng, thanh toán thông qua điện thoại di động, thẻ trả trước do chính Tập đoàn bán thông qua các đại lý và các cổng thanh toán trực tuyến khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Doanh thu trò chơi trực tuyến (tiếp theo)*

Đối với doanh thu nhận được thông qua nền tảng điện thoại di động, giá giao dịch là tổng số tiền mà Tập đoàn tính cho người chơi vì Tập đoàn là chủ thể trong giao dịch này. Tập đoàn kiểm soát dịch vụ cung cấp trò chơi trực tuyến cho người chơi và có thỏa thuận hợp đồng trực tiếp với người chơi trả tiền. Phí nền tảng và phí xử lý thanh toán được ghi nhận là giá vốn.

Đối với doanh thu nhận được thông qua các kênh phân phối khác (chẳng hạn như thông qua đại lý, công ty viễn thông và nền tảng trực tuyến), Tập đoàn cũng là chủ thể trong các giao dịch này. Tập đoàn ghi nhận doanh thu theo số tiền nhận được từ nhà phân phối. Các nhà phân phối này có thể chọn thay đổi mức giá mà Tập đoàn yêu cầu bằng cách đưa ra chiết khấu hoặc các ưu đãi khác cho người chơi. Tập đoàn không nhận được thông tin từ các nhà phân phối này về số tiền giảm giá, hoặc ưu đãi, hoặc số tiền thực tế mà người chơi thanh toán.

Tập đoàn ghi nhận chi phí cho các kênh thanh toán là chi phí phát sinh gia tăng, nhất quán với cách ghi nhận doanh thu tương ứng. Đối với những trò chơi trực tuyến, trong đó các yếu tố cho thấy trải nghiệm chơi trò chơi và môi trường ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn là vật phẩm ảo được bán, thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận theo thời gian chơi trung bình ước tính của người chơi. Đối với những trò chơi trong đó các yếu tố cho thấy vật phẩm ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn trải nghiệm chơi trò chơi thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận trên cơ sở nhất quán với doanh thu liên quan.

##### *Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến*

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Tập đoàn, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức băng rôn, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v. và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

##### *Các dịch vụ khác*

Các dịch vụ khác bao gồm:

- Dịch vụ công nghệ tài chính;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet; và
- Dịch vụ đầu tư dài hạn khác và các dịch vụ khác.

Doanh thu của các dịch vụ trên được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Khi cung cấp dịch vụ theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống thỏa mãn đồng thời các điều kiện quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở tổng số tiền thu được trừ đi phần doanh thu chưa thực hiện là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số tiền chiết khấu, giảm giá cho khách hàng. Doanh thu đối với hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí đó sẽ được ghi nhận khi đã thực hiện nghĩa vụ với khách hàng hoặc khách hàng không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng dịch vụ miễn phí.

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 *Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp*

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua hàng hóa, chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, chi phí triển khai và điều hành trò chơi, và các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ và hàng hóa.

#### 3.20 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.20 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

#### 3.22 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc kinh doanh các lĩnh vực trò chơi trực tuyến, truyền thông đa phương tiện, dịch vụ công nghệ tài chính, chuyển đổi số và dịch vụ đầu tư dài hạn khác.

Do Tập đoàn có trụ sở tại Việt Nam và Tập đoàn xem báo cáo bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh là báo cáo thông tin bộ phận chính yếu của mình, do đó, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cho rằng việc trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý là không cần thiết.

### 4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

*Thành lập các công ty con trong kỳ*

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập 2MoreBits với tỷ lệ sở hữu là 100%. 2MoreBits có địa chỉ tại Thành phố Hà Nội, Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm.

Vào ngày 17 tháng 2 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập Zalo Platforms với tỷ lệ sở hữu là 100%. Zalo Platforms có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG KỲ (tiếp theo)**

***Chuyển nhượng cổ phần trong Công ty con hiện hữu***

***Công ty TNHH VNG Solutions ("VNG Solutions")***

Vào ngày 3 tháng 6 năm 2025, Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na ("Vinanet"), công ty con của Công ty, đã hoàn tất chuyển nhượng 100% phần vốn góp trong VNG Solutions cho đối tác theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 02/2025/NQHĐQT-VNN ngày 20 tháng 3 năm 2025. Theo đó, VNG Solutions không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

***VNG Technologies L.L.C***

Vào ngày 5 tháng 6 năm 2025, VNG Investment Pte. Ltd ("VNG Investment"), công ty con của Công ty, đã hoàn tất chuyển nhượng 100% tỷ lệ sở hữu trong VNG Technologies L.L.C cho đối tác. Theo đó, VNG Technologies L.L.C không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	632.609.680	634.144.916
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.117.046.775.319	2.289.601.754.964
Tiền đang chuyển	-	274.234.084
Các khoản tương đương tiền (**)	1.097.172.831.752	452.937.529.856
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.214.852.216.751</b>	<b>2.743.447.663.820</b>

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, một phần của tiền gửi ngân hàng đã được dùng để bảo đảm cho các khoản phải thu được giữ hộ cho người bán chưa hoàn tất các giao dịch mua, số dư trong ví điện tử của người dùng ZaloPay có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ tài chính của Tập đoàn và một lượng tiền nhất định được ngân hàng yêu cầu dự trữ (hoặc duy trì) để đảm bảo.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, một phần tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại các ngân hàng (*Thuyết minh – "TM"*, số 5 và số 6) của Tập đoàn với tổng số dư 461 tỷ VND đang bị giới hạn giao dịch liên quan đến việc rà soát pháp lý được thực hiện bởi cơ quan chức năng tại Việt Nam.

(\*\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và được hưởng lãi suất dao động từ 0,2% đến 4,5%/năm.

**6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm và được hưởng lãi suất dao động từ 2,9% đến 5,5%/năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn còn lại trên một (1) năm và được hưởng lãi suất dao động từ 4,2%/năm đến 5,5%/năm. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, một phần của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn này được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho một khoản vay dài hạn như được trình bày tại *TM* số 23.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

### 7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu khách hàng	585.232.165.876	482.622.163.231
- Apple Inc.	185.188.388.447	124.359.229.931
- Google Inc.	64.371.391.460	57.555.262.345
- Khác	335.672.385.969	300.707.670.955
Phải thu các bên liên quan (TM số 34)	13.033.297.790	45.193.249.646
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>598.265.463.666</b>	<b>527.815.412.877</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(18.218.094.918)	(17.850.937.028)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>580.047.368.748</b>	<b>509.964.475.849</b>

### 7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Trả trước cho người bán	169.549.242.038	173.597.801.402
- Tạp chí Điện tử Tri thức Trực tuyến	63.395.100.000	63.395.100.000
- Devsisters Corporation	26.122.000.000	-
- Hong Kong NetEase Interactive Entertainment Limited	26.120.000.000	25.401.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến Cộng Đồng Việt	7.271.121.299	49.165.988.342
- Các nhà cung cấp khác	46.641.020.739	35.635.713.060
Trả trước cho bên liên quan (TM số 34)	7.313.600.000	7.112.280.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>176.862.842.038</b>	<b>180.710.081.402</b>
Dự phòng trả trước cho người bán	(63.395.100.000)	(63.395.100.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>113.467.742.038</b>	<b>117.314.981.402</b>

### 7.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng và trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng ngắn hạn như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	81.246.037.028	82.639.895.160
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	619.545.291	1.122.540.423
Trừ: Sử dụng, hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(252.387.401)	(4.274.801.429)
Số cuối kỳ	81.613.194.918	79.487.634.154



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>316.559.427.530</b>	<b>241.602.705.829</b>
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	134.549.397.470	66.580.811.893
Phải thu ngân hàng - dịch vụ trung gian thanh toán	98.374.148.137	49.317.375.443
Tạm ứng cho nhân viên	11.017.582.077	12.199.616.292
Tiền lãi phải thu	1.520.912.137	18.272.065.910
Khác	71.097.387.709	95.232.836.291
<b>Dài hạn</b>	<b>44.137.457.474</b>	<b>13.566.125.480</b>
Tiền lãi phải thu	34.536.278.926	-
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	9.601.178.548	13.566.125.480
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>360.696.885.004</b>	<b>255.168.831.309</b>
Trong đó:		
Phải thu khác bên khác	360.696.885.004	255.168.831.309

## 9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	13.636.373.439	-	16.308.495.204	-
Công cụ, dụng cụ	12.962.119.708	-	16.387.967.482	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.766.546.358	-	9.584.304.003	-
Hàng khuyến mãi	6.085.456.485	(1.129.797.929)	5.891.985.163	(1.060.683.025)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>43.450.495.990</b>	<b>(1.129.797.929)</b>	<b>48.172.751.852</b>	<b>(1.060.683.025)</b>

Chi tiết tình hình tăng dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	1.060.683.025	956.107.119
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	514.034.888	27.487.324
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(444.919.984)	-
Số cuối kỳ	1.129.797.929	983.594.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>313.453.754.934</b>	<b>310.442.964.158</b>
Chi phí kênh phân phối	157.418.852.698	145.977.853.067
Phí bản quyền phần mềm	77.488.300.107	83.809.941.595
Chi phí dịch vụ trả trước	70.676.408.430	66.250.022.464
Công cụ, dụng cụ	2.031.682.097	8.462.324.449
Khác	5.838.511.602	5.942.822.583
<b>Dài hạn</b>	<b>215.052.016.856</b>	<b>235.325.196.450</b>
Tiền thuê đất trả trước (*)	99.908.033.801	103.097.280.168
Công cụ, dụng cụ	63.407.121.053	72.768.343.737
Phí bản quyền âm nhạc	16.289.066.868	21.928.050.045
Chi phí kênh phân phối	15.195.654.536	14.769.276.870
Chi phí sửa chữa văn phòng	6.701.447.643	10.080.560.323
Khác	13.550.692.955	12.681.685.307
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>528.505.771.790</b>	<b>545.768.160.608</b>

(\*) Tập đoàn đã sử dụng toàn bộ tiền thuê đất trả trước để đảm bảo cho khoản vay tại các ngân hàng thương mại (TM số 23.2).



## B09a-DN/HN

## 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

34

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND
	<i>Máy móc và thiết bị (*)</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	161.305.595.964
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	4.565.911.716
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	165.871.507.680
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(21.595.557.821)
Khấu hao trong kỳ	(16.197.002.246)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(865.099.487)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(38.657.659.554)
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	139.710.038.143
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	127.213.848.126

(\*) Tập đoàn thuê các tài sản liên quan đến dịch vụ đám mây ("Cloud service") theo hợp đồng thuê tài chính nhằm mục đích sử dụng cho các hoạt động cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet. Theo hợp đồng thuê tài chính này, Tập đoàn có thể mua lại các tài sản thuê tại cuối thời hạn thuê. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong *Thuyết minh số 23.4*.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Phần mềm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	947.022.718.761	63.903.813.848	1.010.926.532.609
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	80.377.208.000	2.794.840.000	83.172.048.000
Mua trong kỳ	10.075.290.775	-	10.075.290.775
Thanh lý và xóa sổ	(72.097.464.725)	-	(72.097.464.725)
Giảm khác	-	(7.336.468.060)	(7.336.468.060)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	7.192.139.613	1.615.774.689	8.807.914.302
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	972.569.892.424	60.977.960.477	1.033.547.852.901
<b>Trong đó:</b>			
<b>Đã hao mòn hết</b>	<b>645.395.259.675</b>	<b>37.177.121.864</b>	<b>682.572.381.539</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(816.122.943.396)	(39.092.046.901)	(855.214.990.297)
Hao mòn trong kỳ	(55.640.326.583)	(4.225.623.094)	(59.865.949.677)
Tăng khác	(22.790.962.960)	-	(22.790.962.960)
Thanh lý và xóa sổ	72.097.464.725	-	72.097.464.725
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(7.113.446.186)	(211.275.607)	(7.324.721.793)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(829.570.214.400)	(43.528.945.602)	(873.099.160.002)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	130.899.775.365	24.811.766.947	155.711.542.312
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	142.999.678.024	17.449.014.875	160.448.692.899

### 14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		VND
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Phần mềm trò chơi đang hoàn thiện	133.318.825.570	95.045.817.824
Hệ thống máy chủ đang hoàn thiện	20.593.330.318	20.568.206.332
Khác	8.283.110.379	8.846.294.943
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>162.195.266.267</b>	<b>124.460.319.099</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 15.1)	875.944.532.670	838.762.505.786
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 15.2)	778.273.434.291	734.431.898.405
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (TM số 6)	823.459.000.000	823.359.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (TM số 15.2)	(635.294.118.357)	(597.482.974.871)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.842.382.848.604</b>	<b>1.799.070.429.320</b>

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	597.482.974.871	102.792.808.196
Cộng: Chuyển từ đầu tư vào công ty liên kết	35.338.249.520	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(19.388.526.319)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	2.472.893.966	3.827.998.587
Số cuối kỳ	635.294.118.357	87.232.280.464

#### 15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Giá trị đầu tư</b>		
Số đầu kỳ	1.720.716.284.303	1.992.237.908.772
Tăng giá trị đầu tư	62.705.000.000	221.133.094.568
Chuyển sang đầu tư khác	(35.338.249.520)	-
Số cuối kỳ	1.748.083.034.783	2.213.371.003.340
<b>Phần lỗ lũy kế sau khi đầu tư</b>		
Số đầu kỳ	(881.953.778.517)	(999.770.783.027)
Chuyển sang đầu tư khác	35.338.249.520	-
Phần lỗ từ công ty liên kết	(14.232.176.275)	(47.738.124.759)
Cổ tức nhận được	(11.290.796.841)	-
Số cuối kỳ	(872.138.502.113)	(1.047.508.907.786)
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	838.762.505.786	992.467.125.745
Số cuối kỳ	875.944.532.670	1.165.862.095.554



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết** (tiếp theo)

Chi tiết giá trị còn lại của các khoản đầu tư liên kết như sau:

	VND	
Tên Công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Funding Asia	360.159.833.653	381.379.367.370
VTH	218.505.574.279	219.406.763.806
DayOne Holding	108.000.510.475	125.688.824.624
OCG	95.166.927.553	96.407.353.433
NCV	94.111.686.710	15.880.196.553
Telio	-	-
Ecotruck	-	-
Cloudverse	-	-
Rocketeer	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>875.944.532.670</b>	<b>838.762.505.786</b>

*Nhóm Công ty Funding Asia Group Pte. Ltd. ("Funding Asia")*

Funding Asia được thành lập theo mã số đăng ký doanh nghiệp số 201537647E cấp vào ngày 14 tháng 10 năm 2015. Funding Asia có trụ sở chính tại Số 112 Robinson Road, #08-01, Robinson 112, Singapore 068902. Hoạt động chính của Funding Asia là kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng tài chính số.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 4,37% tỷ lệ sở hữu trong Funding Asia (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4,37%). Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên chín (9) thành viên Hội đồng quản trị của Funding Asia kèm các quyền khác, nên có ảnh hưởng đáng kể mặc dù có tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.

*Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH ("VTH")*

VTH được thành lập theo GCNĐKKD số 0317484078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 9 năm 2022. VTH có trụ sở chính đặt tại Số Z06, Đường số 13, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của VTH là đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và cho thuê văn phòng.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 35,00% quyền sở hữu VTH (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 35,00%).

*Công ty Cổ phần DayOne Holding ("DayOne Holding")*

DayOne Holding được thành lập theo GCNĐKKD số 0318506038 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 6 năm 2024. DayOne Holding có trụ sở chính tại Số 102, Nguyễn Đình Chính, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của DayOne Holding là dịch vụ tư vấn quản lý.

Trong quý 2 năm 2025, DayOne Holding đã hoàn tất việc phát hành cổ phần cho nhân viên theo chương trình cổ phiếu cho người lao động. Theo đó, vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng của Tập đoàn trong DayOne Holding bị pha loãng còn 22,24% (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 22,46%).

*OpenCommerce Holding Pte. Ltd. ("OCG")*

OCG được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 202140908D vào ngày 24 tháng 11 năm 2021. OCG có trụ sở chính tại 1 Raffles Place #40-02 One Raffles Place Singapore 048616. Hoạt động chính của OCG là thương mại điện tử.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết** (tiếp theo)

*OpenCommerce Holding Pte. Ltd. ("OCG")* (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 12,17% tỷ lệ sở hữu trong OCG (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 12,17%). Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên bốn (4) thành viên Hội đồng quản trị của OCG kèm các quyền khác và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.

*NCV Games Pte. Ltd. ("NCV")*

NCV được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 202425231Z ngày 24 tháng 6 năm 2024. NCV có trụ sở chính tại 9 Raffles Place, #26-01, Republic Plaza, Singapore. Hoạt động chính của NCV là phân phối bản quyền trò chơi điện tử.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 30,00% quyền sở hữu NCV (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 30,00%).

*Telio Pte. Ltd. ("Telio")*

Telio được thành lập theo mã số đăng ký doanh nghiệp số 201902507W cấp vào ngày 21 tháng 1 năm 2019. Telio có trụ sở chính tại Số 10 Anson Road, #16-04, International Plaza, Singapore. Hoạt động chính của Telio là công ty đầu tư.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 16,55% tỷ lệ sở hữu trong Telio (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 16,55%). Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên ba (3) thành viên Hội đồng quản trị của Telio kèm các quyền khác, nên có ảnh hưởng đáng kể mặc dù có tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.

*Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")*

Ecotruck được thành lập theo GCNĐKKD số 0314715626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 11 năm 2017. Ecotruck có trụ sở chính tại Số 139/1A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Ecotruck là sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Trong quý 2 năm 2025, Ecotruck đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính cho các nhà đầu tư nhằm tăng vốn. Tuy nhiên, Tập đoàn không tham gia quá trình này. Theo đó, vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Tập đoàn đối với Ecotruck bị pha loãng còn 22,71% (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 23,94%).

*Rocketeer Holding Limited ("Rocketeer")*

Rocketeer được thành lập theo GCNĐKKD số 379385 vào ngày 29 tháng 7 năm 2021. Rocketeer có trụ sở chính tại ICS Corporate Services (Cayman) Limited, Quảng trường Chính quyền 3-212, Đại lộ 23 Line Tree Bay, P.O. Box 30746, Seven Mile Beach, Grand Cayman KY1-1203, Quần đảo Cayman. Hoạt động chính của Rocketeer là công ty đầu tư.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 11,25% tỷ lệ sở hữu trong Rocketeer (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 11,25%). Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên năm (5) thành viên Hội đồng Quản trị của Rocketeer, kèm các quyền khác, và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu thấp hơn 20%.

*Cloudverse Pte. Ltd ("Cloudverse")*

Cloudverse được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 202141526E vào ngày 30 tháng 11 năm 2021. Cloudverse có trụ sở chính tại 3 Fraser Street, #05-24 Duo Tower, Singapore 189352. Hoạt động chính của Cloudverse là cung cấp dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin và lưu trữ dữ liệu.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 30,00% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng trong Cloudverse (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 30,00%).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)
Tiki Global Pte. Ltd	4.639.533	1,45	510.119.999.037	(510.119.999.037)	4.639.533	1,45	510.119.999.037	(510.119.999.037)
Haegin, Co. Ltd ("Haegin")	55.555	0,57	109.159.856.406	-	55.555	0,57	106.155.034.938	-
Transcend Fund II			56.972.930.418	(34.983.869.800)			53.310.018.537	(34.020.875.834)
Wildseed Games, Inc.			52.240.000.000	(52.240.000.000)			50.802.000.000	(50.802.000.000)
Beijing Youtu Entertainment			35.338.249.520	(35.338.249.520)			-	-
Trái phiếu của Victoria Shanghai			11.830.398.910	-			11.504.745.893	-
Education Foundation Limited			2.612.000.000	(2.612.000.000)			2.540.100.000	(2.540.100.000)
Real Stake Pte Ltd								
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>778.273.434.291</b>	<b>(635.294.118.357)</b>			<b>734.431.898.405</b>	<b>(597.482.974.871)</b>

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất các công ty con được trình bày như sau:

	VinaData	EPI	MPT	VNG Online	XFM	Verichains	Tổng cộng
VND							
<b>Nguyên giá</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024							
và ngày 30 tháng 6 năm 2025	9.814.811.229	11.920.046.178	591.115.321	26.343.737	11.025.955.237	158.604.581.243	191.982.852.945
<b>Phân bổ lũy kế</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(9.814.811.229)	(11.920.046.178)	(591.115.321)	(26.343.737)	(4.961.679.835)	(151.396.079.443)	(178.710.075.743)
Phân bổ trong kỳ	-	-	-	-	(551.297.760)	(480.566.784)	(1.031.864.544)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(9.814.811.229)	(11.920.046.178)	(591.115.321)	(26.343.737)	(5.512.977.595)	(151.876.646.227)	(179.741.940.287)
<b>Giá trị còn lại</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	-	-	-	6.064.275.402	7.208.501.800	13.272.777.202
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	-	-	-	5.512.977.642	6.727.935.016	12.240.912.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả cho người bán	351.314.053.383	427.937.196.558
- Seasun Games Corporation Limited	78.268.883.350	81.996.292.982
- Chengdu Guangyun Technology Co., Ltd	34.554.185.972	-
- Phải trả các người bán khác	238.490.984.061	345.940.903.576
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 34)	213.252.137.585	186.610.907.074
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>564.566.190.968</b>	<b>614.548.103.632</b>

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Người mua trả tiền trước	49.687.896.141	60.015.647.813
- Công ty TNHH The Sherpa	5.919.753.256	6.279.981.775
- Các khách hàng khác	43.768.142.885	53.735.666.038
Bên liên quan trả tiền trước (TM số 34)	807.636.954	1.453.002.350
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>50.495.533.095</b>	<b>61.468.650.163</b>



Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG  
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. THUẾ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Giảm do thanh lý công ty con	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2025
<b>Phải thu</b>						
Thuế giá trị gia tăng	274.208.088.392	267.408.464.446	(270.112.573.343)	464.688.277	(273.331.235)	271.695.336.537
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.036.561.758	742.695.528	(4.247.000.449)	(14.713.287)	-	30.517.543.550
Khác	-	36.519.746	-	-	-	36.519.746
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>308.244.650.150</b>	<b>268.187.679.720</b>	<b>(274.359.573.792)</b>	<b>449.974.990</b>	<b>(273.331.235)</b>	<b>302.249.399.833</b>
<b>Phải nộp</b>						
Thuế giá trị gia tăng	57.163.544.435	599.468.602.152	(463.792.949.105)	107.538.791	-	192.946.736.273
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.922.310.110	84.337.683.524	(45.757.567.806)	1.754.732.942	(543.426.988)	77.713.731.782
Thuế nhà thầu nước ngoài	28.836.478.581	220.452.310.537	(216.893.439.156)	363.233.846	(3.595.196)	32.754.988.612
Thuế thu nhập cá nhân	35.858.020.765	170.421.514.298	(190.025.074.675)	412.118.078	(1.081.610.893)	15.584.967.573
Khác	-	5.308.616.832	(5.381.314.130)	72.697.298	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>159.780.353.891</b>	<b>1.079.988.727.343</b>	<b>(921.850.344.872)</b>	<b>2.710.320.955</b>	<b>(1.628.633.077)</b>	<b>319.000.424.240</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phí bản quyền phần mềm	569.052.074.192	638.859.751.435
Chi phí lương thưởng	243.506.663.862	305.293.360.951
Chi phí quảng cáo	239.824.383.294	44.837.456.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.585.711.127	80.280.344.461
Chi phí phải trả khác	125.165.389.186	254.508.233.826
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.274.134.221.661</b>	<b>1.323.779.147.014</b>
Trong đó:		
Phải trả khác bên khác	929.579.747.673	904.645.127.018
Phải trả khác bên liên quan (TM số 34)	344.554.473.988	419.134.019.996

## 21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.085.577.162.077</b>	<b>1.843.189.184.199</b>
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	1.785.741.986.965	1.634.154.034.241
Dịch vụ khác	299.835.175.112	209.035.149.958
<b>Dài hạn</b>	<b>226.033.829.147</b>	<b>93.628.602.544</b>
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	225.991.457.493	93.533.215.777
Dịch vụ khác	42.371.654	95.386.767
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.311.610.991.224</b>	<b>1.936.817.786.743</b>

## 22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Thu hộ	900.514.658.198	805.626.476.959
Nhận đặt cọc mua cổ phần (*)	156.954.030.000	178.841.570.000
Thuế nhà thầu nước ngoài	42.964.508.735	29.351.930.195
Kinh phí công đoàn	15.023.225.477	12.720.637.842
Phải trả khác	45.984.328.919	71.465.653.430
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.161.440.751.329</b>	<b>1.098.006.268.426</b>
Trong đó:		
Phải trả khác bên khác	948.614.336.147	958.213.927.780
Phải trả khác bên liên quan (TM số 34)	212.826.415.182	139.792.340.646

(\*) Số dư cuối kỳ bao gồm số tiền nhận được từ VNG Limited để mua cổ phần phổ thông của công ty con do Công ty sở hữu 100% khi VNG Limited phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("IPO") - 143.660.000.000 VND hoặc 5.500.000 đô la Mỹ (31 tháng 12 năm 2024: 139.705.500.000 VND hoặc 5.500.000 đô la Mỹ). Nếu đợt IPO không diễn ra đúng thời hạn đã định, công ty con có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ số tiền này cho VNG Limited.



Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG  
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giảm do thanh lý công ty con	Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
<b>Ngắn hạn:</b>	<b>754.797.266.641</b>	<b>814.359.425.927</b>	<b>(868.295.747.863)</b>	<b>(16.500.000.000)</b>	<b>111.455.360.446</b>	<b>2.612.103.966</b>	<b>798.428.409.117</b>
Vay ngân hàng ngắn hạn (TM số 23.1)	558.040.997.116	706.365.425.927	(765.970.003.577)	-	-	-	498.436.419.466
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (TM số 23.2)	159.266.835.811	-	(88.937.964.406)	-	92.858.260.006	-	163.187.131.411
Vay bên khác ngắn hạn (TM số 23.3)	3.500.000.000	107.994.000.000	-	(16.500.000.000)	-	1.650.000.000	96.644.000.000
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (TM số 23.4)	33.989.433.714	-	(13.387.779.880)	-	18.597.100.440	962.103.966	40.160.858.240
<b>Dài hạn:</b>	<b>1.248.764.604.683</b>	<b>8.121.820.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(111.455.360.446)</b>	<b>23.940.631.437</b>	<b>1.169.371.695.674</b>
Vay ngân hàng dài hạn (TM số 23.2)	1.153.944.170.342	8.121.820.000	-	-	(92.858.260.006)	21.256.646.858	1.090.464.377.194
Nợ thuế tài chính (TM số 23.4)	94.820.434.341	-	-	-	(18.597.100.440)	2.683.984.579	78.907.318.480
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.003.561.871.324</b>	<b>822.481.245.927</b>	<b>(868.295.747.863)</b>	<b>(16.500.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>26.552.735.403</b>	<b>1.967.800.104.791</b>

23.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tín chất tại ngân hàng thương mại nhằm bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Kỳ hạn trả gốc %	Lãi suất %/năm
Ngân hàng TMCP Hải Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	498.436.419.466	Từ ngày 17 tháng 7 năm 2025 đến ngày 30 tháng 12 năm 2025	5,5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Deutsche Bank AG – Chi nhánh Singapore	772.216.433.840	Ngày 1 tháng 8 năm 2027	Lãi suất SOFR trung bình 3 tháng + 1,65	Đầu tư tài sản cố định	Khoản tiền gửi ngân hàng tại VinaData TM số 6)
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	329.999.999.975  1.251.547.200	Từ ngày 26 tháng 8 năm 2025 đến ngày 20 tháng 5 năm 2028  Từ ngày 29 tháng 11 năm 2025 đến ngày 29 tháng 8 năm 2031	8,5  8,5	Tài trợ cho dự án "Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm"	Bất động sản tọa lạc tại S.38b - 39 - 40, Đường số 19, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; Tiền thuế đất trả trước, chi phí xây dựng và máy móc thiết bị của dự án "Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm" (TM số 10 và số 11)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Sài Gòn	101.133.526.950  40.928.180.640  8.121.820.000	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 3 năm 2028  Từ ngày 26 tháng 7 năm 2025 đến ngày 28 tháng 9 năm 2028  Từ ngày 26 tháng 1 năm 2026 đến ngày 26 tháng 6 năm 2030	7,4  7,4  7,0	Đầu tư tài sản cố định	Máy móc, thiết bị thuộc sở hữu của VinaData (TM số 11)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.253.651.508.605</b>				
Trong đó					
Vay dài hạn	1.090.464.377.194				
Vay dài hạn đến hạn trả	163.187.131.411				



Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG  
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.3 Vay bên thứ ba ngắn hạn

Chi tiết khoản vay bên thứ ba ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn được trình bày như sau:

Công ty	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Vibrant Concepts Pte. Ltd	96.644.000.000	Ngày 27 tháng 7 năm 2025	5,96	Khoản vay chuyển đổi

23.4 Nợ thuế tài chính

Tập đoàn hiện đang thuê dịch vụ đám mây “Cloud service” theo hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính
Đến 1 năm	48.418.539.520	8.257.681.280	40.160.858.240	9.474.318.990
Từ 1 đến 5 năm	85.663.596.040	6.756.277.560	78.907.318.480	10.216.993.428
TỔNG CỘNG	134.082.135.560	15.013.958.840	119.068.176.720	19.691.312.418
				128.809.868.055

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thời phải trả được trích lập theo Điều 46 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong TM số 3.13.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG  
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	287.360.000.000	(409.833.750.565)	15.684.217.402	2.842.320.047.141	2.735.530.513.978
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(513.926.306.845)	(513.926.306.845)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	(926.127.636.298)	(926.127.636.298)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	-	-	8.508.300.444	-	8.508.300.444
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	287.360.000.000	(409.833.750.565)	24.192.517.846	1.402.266.103.998	1.303.984.871.279
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	287.360.000.000	(409.833.750.565)	46.347.554.900	826.832.401.620	750.706.205.955
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	24.181.547.628	24.181.547.628
Phát hành cổ phiếu ESOP (*)	6.409.740.000	12.819.480.000	-	-	19.229.220.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	-	-	64.455.331.905	-	64.455.331.905
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	293.769.740.000	(397.014.270.565)	110.802.886.805	851.013.949.248	858.572.305.488

(\*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/2025/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2025 và Số 05/2025/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 6 năm 2025 về việc phát hành 640.974 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá phát hành là 30.000 VND/ cổ phiếu, vào ngày 19 tháng 5 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn thành việc phát hành 640.974 cổ phiếu này.

Vào ngày 4 tháng 6 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Tập đoàn. Theo đó, Tập đoàn đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ 287.360.000.000 VND lên 293.769.740.000 VND và được Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNDKDN điều chỉnh lần thứ 43 vào ngày 16 tháng 7 năm 2025.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**25.2 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.376.974	28.736.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng Cổ phiếu phổ thông	29.376.974	28.736.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	29.376.974	28.736.000

Cổ phiếu của Tập đoàn đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn được quyền hưởng cổ tức do Tập đoàn công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

**25.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu kỳ	287.360.000.000	287.360.000.000
Phát hành cổ phiếu ESOP	6.409.740.000	-
Số cuối kỳ	293.769.740.000	287.360.000.000

**26. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	357.242.751.099	74.569.536.248
Thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	292.735.167.686
Góp vốn trong kỳ	4.900.000.000	80.884.759.050
Cổ tức	-	(600.000)
Lỗ thuần trong kỳ	(24.484.165.561)	(71.842.480.494)
Số cuối kỳ	337.658.585.538	376.346.382.490

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 27. DOANH THU

### 27.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	3.014.801.749.651	3.111.629.843.848
Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet	704.554.281.248	280.246.119.669
Dịch vụ công nghệ tài chính	433.795.005.139	384.257.875.371
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	433.192.770.677	434.057.070.572
Dịch vụ khác	216.484.312.828	103.500.697.224
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.802.828.119.543</b>	<b>4.313.691.606.684</b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	4.725.032.374.552	4.257.710.279.113
Doanh thu đối với bên liên quan	77.795.744.991	55.981.327.571

### 27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	49.134.317.724	58.931.467.990
Lãi tiền gửi	28.359.902.994	20.367.725.286
Lãi chênh lệch tỷ giá	18.277.411.319	15.471.734.200
Khác	-	461.733.254
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>95.771.632.037</b>	<b>95.232.660.730</b>

## 28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	950.789.081.333	917.560.255.447
Phí bản quyền phần mềm	899.176.078.888	844.792.170.966
Chi phí nhân viên	852.300.364.767	779.954.769.496
Chi phí khấu hao và hao mòn	291.698.532.238	193.225.111.351
Chi phí khác	60.416.566.192	66.934.384.323
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.054.380.623.418</b>	<b>2.802.466.691.583</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí lãi vay	69.468.544.292	67.704.192.064
Lỗi chênh lệch tỷ giá	23.655.133.211	19.102.501.839
Lỗi thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.420.609.443	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá trị đầu tư tài chính dài hạn	-	(19.388.526.319)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>97.544.286.946</b>	<b>67.418.167.584</b>

**30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>1.011.614.919.512</b>	<b>1.039.661.216.330</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	791.080.462.136	828.443.920.046
Chi phí nhân viên	192.326.199.442	204.483.679.569
Chi phí khác	28.208.257.934	6.733.616.715
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>583.191.833.395</b>	<b>633.554.272.832</b>
Chi phí nhân viên	352.426.077.811	358.112.658.967
Chi phí dịch vụ mua ngoài	170.634.930.515	198.646.451.898
Chi phí khấu hao và hao mòn	27.456.311.108	33.513.707.094
Công cụ, dụng cụ	21.135.240.017	25.609.664.022
Chi phí khác	11.539.273.944	17.671.790.851
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.594.806.752.907</b>	<b>1.673.215.489.162</b>

**31. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Thu nhập khác</b>	<b>5.715.914.653</b>	<b>12.599.861.674</b>
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.845.462.554	8.899.855.719
Thu nhập khác	870.452.099	3.700.005.955
<b>Chi phí khác</b>	<b>(32.955.203.154)</b>	<b>(19.081.899.260)</b>
Dự phòng suy giảm giá trị trò chơi trực tuyến	(22.790.962.960)	(13.908.141.792)
Chi phí thanh lý, xóa sổ tài sản	(2.317.444.021)	(1.662.999.093)
Chi phí bồi thường	-	(2.649.440.312)
Chi phí khác	(7.846.796.173)	(861.318.063)
<b>LỖ THUẦN KHÁC</b>	<b>(27.239.288.501)</b>	<b>(6.482.037.586)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 32. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.912.504.473.984	1.944.650.627.391
Chi phí nhân viên	1.397.052.642.020	1.342.551.108.032
Phí bản quyền phần mềm	899.176.078.888	844.792.170.966
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và lợi thế thương mại (TM số 11, 12, 13 và 16)	319.185.029.585	226.769.088.527
Công cụ, dụng cụ	55.351.270.185	25.609.664.022
Chi phí khác	65.917.881.663	91.309.521.807
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.649.187.376.325</b>	<b>4.475.682.180.745</b>

### 33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh, ngoại trừ các khoản miễn và/hoặc giảm sau đây:

- ▶ VNGS được miễn thuế TNDN trong bốn năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và thuế suất ưu đãi 5% cho chín (9) năm tiếp theo sau và 10% cho những năm còn lại tới hết năm 2026.
- ▶ VNG Singapore, ZPI, Cloudverse, VNG Investment, Instpay Holco, Instpay SG, và Verichains SG có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 17%.
- ▶ VNG Myanmar có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22%.
- ▶ MLT HK và Instpay HK có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với tỷ lệ 8,25% trên 2 triệu HKD lợi nhuận đầu tiên tính thuế từ năm đầu tiên và thuế suất 16,5% cho phần lợi nhuận tính thuế còn lại.
- ▶ Instpay AU và KMZ có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25%.
- ▶ Instpay UK có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 19%, áp dụng cho doanh nghiệp có lợi nhuận chịu thuế thấp hơn 50 nghìn Bảng Anh.
- ▶ VinaData có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 10% được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Công nghệ cao (2021) và giảm 50% thuế suất thuế TNDN áp dụng trong sáu (6) năm tiếp theo. Việc miễn, giảm thuế này chỉ áp dụng đối với thu nhập từ nhóm sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao.
- ▶ DMF được miễn thuế TNDN đối với thu nhập đóng góp cho mục đích từ thiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam.
- ▶ YoPlatform và VNG Technologies LLC có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với tỷ lệ 0% trên 375 ngàn AED lợi nhuận đầu tiên tính thuế từ năm đầu tiên và thuế suất 9% cho phần lợi nhuận tính thuế còn lại.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 33.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	88.584.683.973	78.112.737.392
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	22.114.557.493	319.259.806.687
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>110.699.241.466</b>	<b>397.372.544.079</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>110.396.623.533</b>	<b>(188.396.243.260)</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn	11.513.585.226	(48.822.913.429)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	80.090.072.209	36.642.365.880
Chi phí không được khấu trừ	37.177.957.104	17.843.635.469
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	6.565.847.827	343.898.959.673
Lỗ từ công ty liên kết	2.846.435.255	9.547.624.952
Phân bổ giá trị lợi thế thương mại	110.259.552	206.372.908
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	80.479.238	(8.340.158.372)
(Lãi) lỗ từ thanh lý công ty con trên khía cạnh hợp nhất	(8.545.215.526)	41.232.549.411
Thuế được miễn, giảm	(7.166.749.295)	(3.160.912.605)
Khác	(11.973.430.124)	8.325.020.192
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>110.699.241.466</b>	<b>397.372.544.079</b>

#### 33.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ		VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	
Hao mòn của tài sản cố định vô hình	64.520.277.697	-	64.520.277.697	-	-
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	3.506.644.007	1.902.442.204	1.604.201.803	(6.811.940.953)	(6.811.940.953)
Khác	3.823.927.710	4.310.614.479	(486.686.769)	(2.423.570.756)	(2.423.570.756)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>71.850.849.414</b>	<b>6.213.056.683</b>			
Dự phòng đầu tư dài hạn vào công ty con và công ty liên kết	(1.121.652.338.669)	(1.043.488.282.822)	(78.164.055.847)	(296.770.032.632)	(296.770.032.632)
Chênh lệch khấu hao tài sản thuế tài chính	(7.527.275.182)	-	(7.527.275.182)	-	-
Hao mòn bản quyền phần mềm trò chơi	(1.657.516.095)	(2.300.593.866)	643.077.771	(253.051.607)	(253.051.607)
Khác biệt cơ sở ghi nhận doanh thu	-	(114.050.201)	114.050.201	(12.083.579.031)	(12.083.579.031)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(4.318.132.086)	(1.499.984.919)	(2.818.147.167)	(917.631.708)	(917.631.708)
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>	<b>(1.135.155.262.032)</b>	<b>(1.047.402.911.808)</b>			
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(22.114.557.493)</b>	<b>(319.259.806.687)</b>	<b>(319.259.806.687)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 33.4 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Các công ty trong Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗi thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, với chi tiết như sau:

- Zion, VNG, XFM, VNG Online, DMF, VNG DC, A4B, EPI, Adtima, Verichains, KMZ, Instpay VN, YoPlatform, GreenNode VN, GreenNode TH and VNG Solutions được phép chuyển lỗi trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ năm phát sinh khoản lỗi thuế đó;
- VNG Myanmar được phép chuyển lỗi trong vòng ba (3) năm liên tục kể từ năm phát sinh khoản lỗi thuế đó;
- VNG Sing Taiwan được phép chuyển lỗi trong vòng mười (10) năm liên tục kể từ năm phát sinh khoản lỗi thuế đó; và
- Các công ty còn lại được phép chuyển lỗi vô thời hạn.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn có các khoản lỗi lũy kế với tổng giá trị là 8.772.687.728.985 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 8.734.980.858.229 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2025	Không được chuyển lỗ	VND
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025
<b>Zion</b>					
2020	2025	685.983.587.158			685.983.587.158
2021	2026	1.229.426.701.077	-	-	1.229.426.701.077
2022	2027	1.309.878.614.959	-	-	1.309.878.614.959
2023	2028	721.142.132.925	-	-	721.142.132.925
2024	2029	395.074.179.337	-	-	395.074.179.337
2025	2030	204.595.518.804	-	-	204.595.518.804
<b>VNG</b>					
2021	2026	253.245.072.344	(230.737.301.992)	-	22.507.770.352
2022	2027	1.326.625.144.087	-	-	1.326.625.144.087
2023	2028	377.743.953.245	-	-	377.743.953.245
2024	2029	1.099.111.720.986	-	-	1.099.111.720.986
<b>VNG Singapore</b>					
2018	Vô thời hạn	80.399.751.459	-	-	80.399.751.459
2020	Vô thời hạn	14.481.422.719	-	-	14.481.422.719
2022	Vô thời hạn	207.066.700.448	-	-	207.066.700.448
2023	Vô thời hạn	48.762.571.531	-	-	48.762.571.531
2024	Vô thời hạn	138.069.558.185	-	-	138.069.558.185
<b>VNG Online</b>					
2023	2028	44.296.363.685	-	-	44.296.363.685
2024	2029	112.056.748.246	-	-	112.056.748.246
2025	2030	1.812.130.928	-	-	1.812.130.928
<b>KMZ</b>					
2022	2027	25.796.729.318	-	-	25.796.729.318
2023	2028	50.944.346.479	-	-	50.944.346.479
2024	2029	289.103.933.450	-	-	289.103.933.450
2025	2030	8.217.426.335	-	-	8.217.426.335
<b>VNG DC</b>					
2022	2027	1.016.255.900	-	-	1.016.255.900
2023	2028	41.139.228.841	-	-	41.139.228.841
2024	2029	20.563.534.550	-	-	20.563.534.550
2025	2030	8.038.087.531	-	-	8.038.087.531

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**33.4 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước (tiếp theo)**

Chi tiết như sau (tiếp theo):

		VND		
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2025	Chưa chuyển lỗ Không được tại ngày 30 tháng 6 chuyển lỗ năm 2025
<b>XFM</b>				
2020	2025	5.735.187.541		5.735.187.541
2021	2026	16.312.706.534	-	- 16.312.706.534
2022	2027	15.512.810.994	-	- 15.512.810.994
2023	2028	22.700.395.189	-	- 22.700.395.189
2024	2029	8.954.971.621	-	- 8.954.971.621
2025	2030	1.059.800.306	-	- 1.059.800.306
<b>VNG Sing Taiwan branch</b>				
2023	2033	24.852.855.274	-	- 24.852.855.274
2024	2034	34.590.842.476	-	- 34.590.842.476
2025	2035	24.173.039.795	-	- 24.173.039.795
<b>Instpay AU</b>				
2022	Vô thời hạn	3.737.891.267	(3.737.891.267)	- -
2023	Vô thời hạn	15.227.181.948	(5.668.894.316)	- 9.558.287.632
2024	Vô thời hạn	6.781.248.949	-	- 6.781.248.949
<b>Instpay SG</b>				
2022	Vô thời hạn	128.662.151	-	- 128.662.151
2023	Vô thời hạn	15.487.034.570	-	- 15.487.034.570
2024	Vô thời hạn	23.076.815.629	-	- 23.076.815.629
2025	Vô thời hạn	16.923.399.996	-	- 16.923.399.996
<b>Greennode TH</b>				
2024	2029	13.865.344.938	(5.390.272.156)	- 8.475.072.782
<b>EPI (*)</b>				
2024	2029	12.280.144.785	(10.233.311.280)	- 2.046.833.505
<b>VNG Myanmar</b>				
2021	2024	4.097.489.610	- (4.097.489.610)	- -
2023	2026	1.483.579.012	(162.087.565)	- 1.321.491.447
2024	2027	883.867.573		883.867.573
<b>Instpay Holco</b>				
2022	Vô thời hạn	136.120.081	-	- 136.120.081
2023	Vô thời hạn	830.016.175	-	- 830.016.175
2024	Vô thời hạn	19.654.628.722	-	- 19.654.628.722
2025	Vô thời hạn	3.979.654.829	-	- 3.979.654.829
<b>Instpay UK</b>				
2023	Vô thời hạn	1.945.213.277	-	- 1.945.213.277
2024	Vô thời hạn	5.720.333.749	-	- 5.720.333.749
2025	Vô thời hạn	3.516.659.343	-	- 3.516.659.343
<b>A4B (*)</b>				
2024	2029	5.490.290.440	-	- 5.490.290.440
2025	2030	13.247.156.882	-	- 13.247.156.882
<b>Verichains</b>				
2022	2027	3.396.817.692	-	- 3.396.817.692
2024	2029	914.995.540	-	- 914.995.540
2025	2030	8.021.009.012	-	- 8.021.009.012
<b>YoPlatform</b>				
2023	2028	353.471.715	-	- 353.471.715
2024	2029	49.899.173	-	- 49.899.173



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 33.4 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước (tiếp theo)

Chi tiết như sau (tiếp theo):

					VND
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi thuế (*)	Đã chuyển lỗi đến ngày 30 tháng 6 năm 2025	Không được chuyển lỗi	Chưa chuyển lỗi tại ngày 30 tháng 6 năm 2025
Instpay HK					
2023	Vô thời hạn	28.725.428	-	-	28.725.428
2024	Vô thời hạn	252.597.717	-	-	252.597.717
2025	Vô thời hạn	23.410.201	-	-	23.410.201
GreenNode VN					
2023	2028	4.113.258	-	-	4.113.258
2024	2029	7.955.136	-	-	7.955.136
2025	2030	997.458.037	-	-	997.458.037
Instpay VN					
2023	2028	2.104.397	-	-	2.104.397
2024	2029	2.331.748	-	-	2.331.748
2025	2030	1.910.789	-	-	1.910.789
MLT HK					
2024	2029	152.897.324	-	-	152.897.324
2025	2030	473.450	-	-	473.450
VNG Games					
2025	2030	1.528.048.372	-	-	1.528.048.372
TỔNG CỘNG		9.032.714.977.172	(255.929.758.576)	(4.097.489.610)	8.772.687.728.986

(\*) Lỗi thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế tại một số công ty trong Tập đoàn trị giá là 8.740.089.411.047 VND do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai cho từng công ty tại thời điểm này.

### 34. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ không cần bảo đảm và không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện mỗi kỳ kế toán thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và có các giao dịch trọng yếu với Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Cloudverse	Công ty liên kết
DayOne Holding	Công ty liên kết
Ecotruck	Công ty liên kết
Funding Asia	Công ty liên kết
OCG	Công ty liên kết
Rocketeer	Công ty liên kết
Telio	Công ty liên kết
NCV	Công ty liên kết
VTH	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 34. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và có các giao dịch trọng yếu với Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Dorocat Games Co., Ltd ("Dorocat")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Telio Việt Nam ("Telio Vietnam")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dayone	Công ty con của công ty liên kết
Tencent Technology (Shenzhen) Company Limited ("Tencent Shenzhen")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Technology (Shanghai) Co. Ltd ("Tencent Shanghai")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Mobile International Ltd. ("Tencent Mobile")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Cloud International Pte Ltd ("Tencent Cloud")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Proxima Beta Pte. Limited ("Proxima")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Riot Games Services Pte Ltd. ("Riot Games Services")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Aceville Pte. Ltd. ("Aceville")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
VNG Limited	Bên liên quan do có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài ra, các bên liên quan với Tập đoàn cũng bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như được trình bày tại phần Thông tin chung của Công ty.

Những nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Riot Games Services	Phí bản quyền phần mềm	380.524.455.208	325.291.668.908
	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	9.244.011.244	13.097.697.197
Proxima	Phí bản quyền phần mềm	342.683.327.535	241.030.874.023
	Mua dịch vụ	5.916.826.103	-
	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	1.683.448.715	5.032.515.694
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	56.941.092.191	108.960.024.735
DayOne	Bán thẻ điện thoại	44.642.797.676	-
	Cung cấp dịch vụ	599.790.704	670.789.287
	Mua dịch vụ	289.494.436	8.000.000
Tencent Cloud	Mua dịch vụ	32.738.484.462	-
NCV Games	Phí bản quyền phần mềm	24.784.537.383	-
	Cung cấp dịch vụ	21.293.721.519	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau  
(tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tencent Shanghai	Phí bản quyền phần mềm	6.318.263.970	15.697.775.226
Aceville	Mua dịch vụ	2.242.305.669	45.761.887.951
VTH	Bán thẻ điện thoại	329.400.000	-

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Thù lao, trợ cấp của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Ông Lê Hồng Minh (i)	4.256.492.000	3.798.003.500
Ông Vương Quang Khải (ii)	3.762.572.000	2.770.972.666
Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	90.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.079.064.000</b>	<b>6.658.976.166</b>

(i) Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Đại diện pháp luật.

(ii) Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao.

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Tổng Giám đốc</b>		
<b>Tiền lương trung bình một tháng (VND/tháng)</b>		
Mr Wong Kelly Yin Hon	1.317.131.213	-
Ông Lê Hồng Minh	-	633.000.583
<b>Các thành viên quản lý chủ chốt khác</b>		
<b>Tiền lương trung bình một tháng cho một người (VND/tháng/người)</b>		
Các Phó Tổng Giám đốc điều hành	856.226.441	673.143.956

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>			
Riot Games Services	Cung cấp dịch vụ	10.019.629.294	38.548.714.661
Proxima	Cung cấp dịch vụ	2.786.468.007	6.579.455.267
DayOne	Cung cấp dịch vụ	166.810.489	4.689.718
VTH	Cung cấp dịch vụ	60.390.000	60.390.000
		<b>13.033.297.790</b>	<b>45.193.249.646</b>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i></b>			
Dorocat	Phí bảo lãnh tối thiểu	7.313.600.000	7.112.280.000
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>			
Proxima	Mua dịch vụ	129.000.137.052	131.960.654.601
Riot Games Services	Mua dịch vụ	58.654.074.325	-
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	12.654.796.513	18.490.848.142
Tencent Cloud International	Mua dịch vụ	12.028.702.508	-
Tencent Shanghai	Mua dịch vụ	906.203.107	8.786.849.137
DayOne	Mua dịch vụ	8.224.080	265.400.000
	Mua hàng hóa	-	5.143.720
Aceville	Mua dịch vụ	-	24.605.793.754
	Phí bản quyền phần mềm	-	2.496.217.720
		<b>213.252.137.585</b>	<b>186.610.907.074</b>
<b><i>Người mua trả tiền trước</i></b>			
DayOne	Mua dịch vụ	807.636.954	1.453.002.350
<b><i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i></b>			
Riot Games Services	Phí bản quyền phần mềm	138.610.262.846	216.088.179.247
Proxima	Phí bản quyền phần mềm	110.056.016.054	140.837.781.238
	Chi phí vận hành	25.572.151.155	23.712.477.457
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	33.165.042.003	26.896.002.669
NVC Games	Phí bản quyền phần mềm	24.784.537.383	-
Tencent Cloud International	Dịch vụ lưu trữ máy chủ	8.070.704.917	-
Aceville	Mua dịch vụ	2.720.121.911	7.769.935.167
Tencent Shanghai	Phí bản quyền phần mềm	1.575.637.719	3.829.644.218
		<b>344.554.473.988</b>	<b>419.134.019.996</b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>			
VNG Limited	Tạm ứng mua cổ phần	143.660.000.000	139.705.500.000
NCV Games	Thu hộ	68.468.607.536	-
DayOne	Thu hộ	697.807.646	86.840.646
		<b>212.826.415.182</b>	<b>139.792.340.646</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	24.181.547.628	(513.926.306.845)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	28.831.615	28.736.000
Điều chỉnh số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ ESOP III (*)	980.611	-
Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến (*)	627.596	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm	30.439.822	28.736.000
<b>Lãi trên mỗi cổ phiếu</b>		
Lãi (lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	839	(17.884)
Lãi (lỗ) suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	794	(17.884)

(\*) Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, các công cụ có khả năng pha loãng lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu trong tương lai không được đưa vào tính toán lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu vì chúng có tác dụng suy giảm ngược cho kỳ được trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 36. CÁC CAM KẾT

#### *Cam kết thuê hoạt động*

Tập đoàn hiện đang thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đến 1 năm	209.672.436.500	173.720.750.360
Từ 1 đến 5 năm	245.910.313.955	332.716.713.294
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>455.582.750.455</b>	<b>506.437.463.654</b>

#### *Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn có các cam kết liên quan đến việc thi công công trình, mua phí bản quyền trò chơi, mua sắm máy móc thiết bị và các cam kết khác được thể hiện như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phí bản quyền trò chơi	144.726.321.313	210.267.090.306
Phí đảm bảo tối thiểu	143.908.140.000	251.406.397.500
Máy móc và thiết bị	32.304.943.000	21.344.434.046
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>320.939.404.313</b>	<b>483.017.921.852</b>

#### *Các cam kết và nghĩa vụ tiềm tàng khác*

- (i) Trong năm 2022, Tập đoàn đã ký kết một thỏa thuận đăng ký để đầu tư vào một công ty hợp danh hữu hạn mới thành lập. Theo các điều khoản của thỏa thuận, việc cam kết tài trợ toàn bộ số tiền 24 triệu USD của Tập đoàn được các bên công nhận là phụ thuộc vào việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("IPO") của VNG Limited, phương tiện niêm yết của Tập đoàn. Trường hợp IPO không diễn ra trước một thời hạn nhất định, Tập đoàn sẽ không bị xem là vi phạm nghĩa vụ tài trợ số tiền cam kết. Tổng số tiền cam kết dự kiến sẽ được gọi vốn trong vòng 5 năm kể từ ngày ký thỏa thuận. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn không có ý định tiếp tục thực hiện thỏa thuận đăng ký này trừ khi IPO diễn ra vào hoặc trước ngày thống nhất của các đối tác, đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Theo đó, trong trường hợp như vậy, Tập đoàn có thể chấm dứt thỏa thuận mà không phải chịu bất kỳ hình phạt nào.
- (ii) Theo thỏa thuận cổ đông đã được sửa đổi vào ngày 9 tháng 5 năm 2024 và thỏa thuận sửa đổi số 1 ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa Tập đoàn, VNG Limited và một số đối tác có liên quan, Tập đoàn có nghĩa vụ, trong trường hợp VNG Limited, với tư cách là bên có nghĩa vụ, không thể thực hiện nghĩa vụ bồi thường đối với bất kỳ khoản tổn thất nào cho các đối tác này khi xảy ra sự kiện vi phạm trong khoảng thời gian cụ thể, Tập đoàn sẽ chịu trách nhiệm thực hiện việc bồi thường đối với bất kỳ khoản thiếu hụt đó. Các khoản này phát sinh từ những tổn thất mà bên đối tác phải chịu và đã được cam kết bồi thường, đảm bảo từ VNG Limited.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 37. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong thuyết minh bên dưới do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Chi tiết các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu như sau:

#### Chương trình cổ phiếu cho nhân viên (“ESOP”)

Tập đoàn có ESOP cho phép nhân viên có quyền mua cổ phiếu với giá 30.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, tổng số quyền mua cổ phiếu được tổng hợp từ Chương trình ESOP III là 2.921.832 và được cấp từ năm 2020 đến hết năm 2027.

Chi tiết về chương trình cổ phiếu được tóm tắt như sau:

1. *Kế hoạch thực hiện*  
Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 3 hoặc 4 năm từ ngày cấp đầu tiên.
2. *Các điều khoản*
  - (i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt) tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.
  - (ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của kỳ đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.
3. *Điều kiện*
  - (i) Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.
  - (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong kỳ được trình bày như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	30.000	977.282	30.000	889.704
Cấp trong kỳ	30.000	366.805	30.000	464.119
Mất quyền mua trong kỳ	30.000	(58.398)	30.000	(26.093)
Thực hiện quyền mua trong kỳ	30.000	(375.877)	30.000	(299.668)
Số dư tại ngày 30 tháng 6		<u>909.812</u>		<u>1.028.062</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 38. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<i>Ngoại tệ:</i>		
- USD	16.986.721	14.516.791
- MMK	15.144.734	17.162.534
- THB	5.939.920	3.120.673
- TWD	5.338.799	15.542.672
- SGD	2.827.927	3.399.376
- CNY	1.559.521	248.137
- AUD	944.371	392.572
- PHP	413.774	540.723
- JPY	365.198	-
- EUR	84.316	2.159.588
- GBP	22.603	13.737
- NZD	2.903	962
- SEK	8	-
- NOK	8	-
- HKD	6	-
- CAD	1	-
- AED	-	5.073

### 39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Trò chơi trực tuyến;
- Truyền thông đa phương tiện;
- Dịch vụ công nghệ tài chính;
- Dịch vụ đầu tư dài hạn khác; và
- Chuyển đổi số.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin bộ phận được cung cấp cho theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

VND

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024									
	Trò chơi trực tuyến	Truyền thông đa phương tiện	Dịch vụ công nghệ tài chính	Dịch vụ chuyển đổi số	Dịch vụ đầu tư dài hạn khác	Tổng cộng	Chưa được phân bổ	Loại trừ/ được phân bổ	Hợp nhất
Doanh thu theo bộ phận kinh doanh									
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	3.154.257.459.775	554.871.648.629	379.447.387.434	109.425.552.016	115.688.690.314	4.313.690.738.168	868.516	4.313.691.606.684	
Doanh thu giữa các bộ phận	5.389.516.502	70.003.018.158	73.936.675.612	161.223.958.794	55.209.839.804	365.763.008.870	(365.763.008.870)	-	
Tổng doanh thu từ hợp đồng với khách hàng	3.154.257.459.775	554.871.648.629	379.447.387.434	109.425.552.016	115.688.690.314	4.313.690.738.168	868.516	4.313.691.606.684	
Lợi nhuận/(lỗ) của bộ phận kinh doanh	653.328.443.800	(96.423.982.315)	(300.641.940.973)	(61.035.970.961)	(62.454.868.042)	132.771.681.509	-	132.771.681.509	
Đối chiếu									
Các khoản chi phí không được phân bổ								(301.244.293.156)	
Doanh thu tài chính								95.232.660.730	
Chi phí tài chính								(67.418.167.584)	
Lỗ từ công ty liên kết								(47.738.124.759)	
Tổng lỗ trước thuế								(188.396.243.260)	
THÔNG TIN KHÁC:									
Tài sản và công nợ									
Tài sản bộ phận	939.180.404.444	473.768.784.752	1.290.716.448.230	1.455.098.449.075	3.265.890.785.403	7.424.654.871.904	-	7.424.654.871.904	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	2.009.498.355.327	2.009.498.355.327	
Tổng tài sản	939.180.404.444	473.768.784.752	1.290.716.448.230	1.455.098.449.075	3.265.890.785.403	7.424.654.871.904	2.009.498.355.327	9.434.153.227.231	
Công nợ bộ phận	3.762.600.302.020	338.883.278.616	798.410.144.794	406.540.692.304	527.707.757.920	5.834.142.175.654	-	5.834.142.175.654	
Công nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	-	2.492.062.094.523	2.492.062.094.523	
Tổng công nợ	3.762.600.302.020	338.883.278.616	798.410.144.794	406.540.692.304	527.707.757.920	5.834.142.175.654	2.492.062.094.523	8.326.204.270.177	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được cung cấp cho theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025										VND
	Trò chơi trực tuyến	Truyền thông đa phương tiện	Dịch vụ công nghệ tài chính	Dịch vụ chuyển đổi số	Dịch vụ đầu tư dài hạn khác	Tổng cộng	Chưa được phân bổ	Loại trừ/ Chưa được phân bổ	Hợp nhất	
Doanh thu theo bộ phận kinh doanh										
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	3.072.996.987.484	745.091.151.871	478.508.359.021	376.111.410.172	130.120.210.995	4.802.828.119.543	-	-	4.802.828.119.543	
Doanh thu giữa các bộ phận	33.044.816	1.843.832.792	67.007.486.948	168.174.327.076	48.982.706.422	286.041.398.054	(286.041.398.054)		-	
Tổng doanh thu từ hợp đồng với khách hàng	3.072.996.987.484	745.091.151.871	478.508.359.021	376.111.410.172	130.120.210.995	4.802.828.119.543	-		4.802.828.119.543	
Lợi nhuận/(lỗ) của bộ phận kinh doanh	576.039.467.624	23.792.172.343	(213.983.064.123)	91.886.059.260	(74.327.317.166)	403.407.317.938	-		403.407.317.938	
Đối chiếu										
Các khoản chi phí không được phân bổ										(277.005.863.221)
Doanh thu tài chính										95.771.632.037
Chi phí tài chính										(97.544.286.946)
Lỗ từ công ty liên kết										(14.232.176.275)
Tổng lỗ trước thuế										110.396.623.533
THÔNG TIN KHÁC:										
Tài sản và công nợ										
Tài sản bộ phận	1.122.820.884.357	475.150.221.498	1.319.012.439.945	2.342.898.869.993	2.247.546.788.362	7.507.429.204.155	-	7.507.429.204.155		
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	2.497.754.570.077	2.497.754.570.077		
Tổng tài sản	1.122.820.884.357	475.150.221.498	1.319.012.439.945	2.342.898.869.993	2.247.546.788.362	7.507.429.204.155	2.497.754.570.077	10.005.183.774.232		
Công nợ bộ phận	4.122.981.065.832	436.857.491.248	867.842.058.341	352.966.844.816	508.040.714.501	6.288.688.174.738	-	6.288.688.174.738		
Công nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	-	2.520.264.708.468	2.520.264.708.468		
Tổng công nợ	4.122.981.065.832	436.857.491.248	867.842.058.341	352.966.844.816	508.040.714.501	6.288.688.174.738	2.520.264.708.468	8.808.952.883.206		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**40. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Vào ngày 4 tháng 7 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập VNG Games Pte Ltd. với tỷ lệ sở hữu là 99,989%. Công ty VNG Games Pte Ltd có địa chỉ tại Singapore với ngành nghề kinh doanh chính là vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến.

Vào ngày 11 tháng 8 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất thủ tục pháp lý để thành lập Công ty TNHH VNGGames ("VGV") với tỷ lệ sở hữu là 100%. VGV có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2025/NQ-HĐQT-VNKG ngày 18 tháng 8 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck, tương đương 22,71% tỷ lệ sở hữu, cho một đối tác.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/2025/NQ-HĐQT-VNKG ngày 19 tháng 8 năm 2025, Công ty đang trong quá trình hoàn tất việc chuyển nhượng một phần vốn góp trong Công ty TNHH Verichains, tương đương 60% tỷ lệ sở hữu, cho một đối tác.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2025/DRIW-VIV ngày 19 tháng 8 năm 2025, VNG Investment, công ty con của Tập đoàn, đang trong quá trình hoàn tất việc chuyển nhượng một phần vốn góp trong Verichains SG Pte.Ltd, tương đương 60% tỷ lệ sở hữu, cho một đối tác.


Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Lê Thị Tuyết Trinh  
Người lập



Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh  
Người đại diện theo pháp luật